UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐH THỦ DẦU MỘT Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**NGÀNH ĐÀO TẠO: DU LỊCH**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

# 1. Thông tin tổng quát

|  |
| --- |
| - Tên học phần: **ĐỊA LÝ DU LỊCH VIỆT NAM** |
| - Tên tiếng Anh: **VIETNAM GEOGRAPHY** |
| - Mã học phần: **DULI011** |
| * E-learning: |
| * E-portfolio: |
| - Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:  Giáo dục đại cương ❑ Cơ sở ngành ❑ Ngành 🗹  Chuyên ngành ❑ Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp ❑ |
| - Số tín chỉ: 3 (3+0) |
| + Số tiết lý thuyết: 45 |
| + Số tiết thực hành: 0 |
| - Tự học: 90 tiết  + Đọc tài liệu: 45 tiết  + Làm bài tập: 15 tiết  + Thực hiện project: 30 tiết  + Hoạt động khác (nếu có): tiết |
| - Học phần tiên quyết: Không |
| - Học phần học trước: Không |

# 2. Mô tả học phần

Học phần “Địa lý du lịch Việt Nam” (ĐLDL) cung cấp hệ thống kiến thức về đối tượng nghiên cứu của địa lý du lịch, các nguồn lực phát triển du lịch (đặc biệt nhấn mạnh đến tài nguyên du lịch), tổ chức lãnh thổ du lịch; Đặc điểm của các vùng du lịch của Việt Nam (tìm hiểu sản phẩm du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động chủ yếu, các điểm du lịch, các điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia, quốc tế; các tuyến điểm du lịch quan trọng), định hướng phát triển sản phẩm du lịch theo quy hoạch phát triển du lịch đến năm 2020 tầm nhìn 2030.

Song song đó, học phần tích hợp giảng dạy các kỹ năng tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, cũng như củng cố tính kỷ luật, ý thức trách nhiệm và thái độ học tập tích cực của người học.

# 3. Mục tiêu học phần

Học phần “Địa lý du lịch Việt Nam” trang bị cho người học:

**Kiến thức**: Nguồn lực và thực trạng phát triển du lịch Việt Nam; Đặc điểm các Vùng du lịch của Việt Nam; Định hướng phát triển sản phẩm du lịch theo quy hoạch phát triển du lịch đến năm 2020 tầm nhìn 2030.

**Kỹ năng**: Giao tiếp, Làm việc nhóm

**Năng lực tự chủ và trách nhiệm**: Tinh thần trách nhiệm và ý thức học tập suốt đời.

# 4. Nguồn học liệu

***Tài liệu bắt buộc:***

[1] Nguyễn Minh Tuệ & Vũ Đình Hòa (2017), *Địa lí du lịch – Cơ sở lí luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, NXB Giáo dục

***Tài liệu không bắt buộc:***[2] Trần Đức Thanh và Trần Thị Mai Hoa (2017), *Giáo trình Địa lý du lịch*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

[3]Bùi Thị Hải Yến (2017), *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo Dục

[4] Bùi Thị Hải Yến & Phạm Hồng Long (2011), *Tài nguyên du lịch*, NXB Giáo dục

***Tài nguyên khác: Người học có thể vào các website sau đây để tìm tư liệu liên quan đến học phần:***

1. Luật Du lịch 2017

<http://www.vietnamtourism.gov.vn/index.php/docs/853>

1. Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành ngày 15/12/2017 Quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch

<http://www.vietnamtourism.gov.vn/index.php/docs/866>

1. Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ban hành ngày 25/11/2019 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 Quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch

<http://www.vietnamtourism.gov.vn/index.php/docs/904>

1. Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

<http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/docs/841>

1. Số: 201/QĐ-TTg về Phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”

<http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/noidungquyhoachnganh?docid=1698&substract=&strutsAction=ViewDetailAction.do>

1. Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030

<http://www.vietnamtourism.gov.vn/index.php/docs/908>

1. Quyết định phê duyệt Đề án Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

<http://vietnamtourism.gov.vn/index.php/docs/837>

# 5. Chuẩn đầu ra học học phần

**Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra** **của CTĐT theo mức độ sau**:

**N** : Không đóng góp/không liên quan

**S** : Có đóng góp/liên quan nhưng không nhiều

**H** : Đóng góp nhiều/liên quan nhiều

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã HP** | **Tên HP** | **Mức độ đóng góp** | | | | | | | | | |
| DULI011 | Địa lý DL VN | ELO1 | ELO2 | ELO3 | ELO4 | ELO5 | ELO6 | ELO7 | ELO8 | ELO9 | ELO10 |
| S | H | H | N | S | S | S | N | S | S |

**Chi tiết Chuẩn đầu ra được mô tả trong bảng sau**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra học phần** | | | **CĐR của CTĐT**  **(ELOx)** |
| Kiến thức | CELO1 | **Phân tích** các điều kiện phát triển du lịch Việt Nam, chú trọng đến yếu tố tài nguyên du lịch | ELO3 |
| CELO2 | **Phân tích** định hướng phát triển của các vùng du lịch theo hướng phát triển bền vững. | ELO2 |
| Kỹ năng | CELO3 | **Vận dụng** kỹ năng giao tiếp bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện một cách hiệu quả | ELO5 |
| CELO4 | **Thực hiện** thành thạo khả năng quản lý nhóm và giải quyết sáng tạo các vấn đề | ELO6  ELO7 |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | CELO5 | **Thể hiện** ý thức trách nhiệm đối với các  vấn đề liên quan đến phát triển du lịch và hình thành thói quen học tập và làm việc chủ động, tự học để nâng cao trình độ. | ELO9  ELO10 |

**6. Chỉ báo thực hiện chuẩn đầu ra**

| **Chuẩn đầu ra**  **CELOx** | **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Mô tả chỉ báo thực hiện** |
| --- | --- | --- |
| CELO1 | CELO1.1 | Phân tích vai trò của từng loại tài nguyên du lịch trong phát triển du lịch |
| CELO1.2 | Phân tích tầm quan trọng của các điều kiện khác trong phát triển du lịch |
| CELO2 | CELO2.1 | Phân tích thực trạng phát triển du lịch của các vùng du lịch |
| CELO2.2 | Phân tích chiến lược phát triển của các vùng du lịch theo hướng phát triển bền vững |
| CELO3 | CELO3.1 | Giao tiếp hiệu quả bằng lời nói |
| CELO3.2 | Giao tiếp hiệu quả bằng văn bản |
| CELO3.3 | Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện |
| CELO4 | CELO4.1 | Thiết lập và triển khai hoạt động nhóm |
| CELO4.2 | Kết nối sự tham gia tích cực của thành viên trong nhóm |
| CELO4.3 | Giải quyết sáng tạo các vấn đề |
| CELO5 | CELO5.1 | Thể hiện ý thức trách nhiệm đối với các vấn đề liên quan đến phát triển du lịch. |
| CELO5.2 | Hình thành thói quen học tập và làm việc chủ động, tự học để nâng cao trình độ. |

1. **Đánh giá học phần**

| **Hình thức KT** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **Chỉ báo thực hiện** | **Tỉ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đánh giá quá trình** | | | | **50** |
| Thảo luận trong lớp (Rubric 1) | * Tham dự các buổi học * Tham gia tích cực đóng góp ý kiến, hoàn thành bài tập | Suốt học phần | CELO3.1;  3.2; 3.3  CELO4.1;  4.2; 4.3  CELO5.1; 5.2 | 20 |
| Thuyết trình  (Rubric 2-4)  [Điểm của Rubric 2 \* trọng số của Rubric 4] | * Thuyết trình theo nhóm | Chương 5 | CELO1.1; 1.2  CELO2.1  CELO3.1; 3.2  CELO3.3  CELO4.1; 4.2  CELO4.3  CELO5.1; 5.2 | 30 |
| **Đánh giá cuối kỳ** | | | | **50** |
| Tự luận  (Rubric 3) | * Kiểm tra tổng quát kiến thức đã học * Nâng cao mở rộng kiến thức * KSD TL | Theo lịch của phòng ĐBCL | CELO1.1; 1.2  CELO2.1; 2.2  CELO3.2  CELO4.3  CELO5.1 | 50 |

**Lưu ý:** đối với các hình thức kiểm tra đánh giá học phần khác nhau như: thảo luận, làm bài tập nhóm, thuyết trình, vấn đáp, E-learning… phải xây dựng các rubrics đánh giá khác nhau. Phần Phụ lục chỉ là hướng dẫn gợi ý.

**8. Nội dung chi tiết học phần**

**8.1. Lý thuyết**

| **Số tiết** | **Nội dung** | **Hoạt động dạy và học** | **Chỉ báo thực hiện** | **TLTK** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **5 tiết** | ***Giới thiệu đề cương chi tiết học phần Chương 1 – Lịch sử phát triển, hình thành và vai trò của ĐLDL***   * Lịch sử hình thành và phát triển * Phương pháp luận nghiên cứu ĐLDL * Phương pháp nghiên cứu ĐLDL * Vai trò của ĐLDL   ***Chương 2 – Hệ thống lãnh thổ du lịch và hệ thống du lịch***   * Hệ thống lãnh thổ du lịch * Hệ thống du lịch * Quy mô của hệ thống du lịch | **Hoạt động dạy:**   * Giảng bài * Câu hỏi dẫn dắt * Thảo luận nhóm   **Hoạt động tự học:**   * Trả lời các câu hỏi chương 1 * Đọc trước chương 2 * Làm việc theo nhóm   **Hoạt động đánh giá:**   * Rubric 1 | CELO1.1  CELO1.2  CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO4.3  CELO5.1  CELO5.2 | * [1] trang 39 – 54 * [2] trang 27 – 69 |
| **5 tiết** | ***Chương 3: Tài nguyên du lịch***   * Dẫn nhập * Tài nguyên tự nhiên * Tài nguyên văn hoá   ***Chương 4: Các nguồn lực phát triển du lịch Việt Nam***   * Vị trí địa lý * Nguồn lực tự nhiên * Nguồn lực văn hoá * Nguồn lực kinh tế * Nguồn lực khác | **Hoạt động dạy:**   * Giảng bài * Câu hỏi dẫn dắt * Thảo luận nhóm   **Hoạt động tự học:**   * Trả lời các câu hỏi chương 2 * Đọc trước chương 3, 4 * Làm việc theo nhóm   **Hoạt động đánh giá:** Rubric 1 | CELO1.1  CELO1.2  CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO4.3  CELO5.1  CELO5.2 | * [1] trang 69 – 124; 173 - 224 * [2] trang 70 – 140; 225 – 273 |
| **35 tiết** | ***Chương 5: Các vùng du lịch Việt Nam***   * Vùng Trung du, miền núi Bắc Bộ (5 tiết) * Vùng đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc (5 tiết) * Vùng Bắc Trung Bộ (5 tiết) * Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (5 tiết) * Vùng Tây Nguyên (5 tiết) * Vùng Đông Nam Bộ (5 tiết) * Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (5 tiết) * Phân tích định hướng phát triển cho vùng du lịch theo hướng phát triển bền vững | *Thực hiện theo chu trình: SV thuyết trình nhóm, thảo luận dựa trên các câu hỏi được đặt ra bởi các nhóm khác, GV tóm tắt lại nội dung bài học*  **Hoạt động dạy:**   * Câu hỏi dẫn dắt * Giải quyết vấn đề * Thảo luận * Tóm tắt nội dung * Thuyết trình nhóm   **Hoạt động tự học:**   * Đọc trước chương 5 * Làm việc theo nhóm chuẩn bị thuyết trình nhóm về từng vùng du lịch   **Hoạt động đánh giá:** Rubric 2-4 | CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO4.3  CELO5.1  CELO5.2 | * [1] trang 254 – 538 * [1] trang 150 - 172 * [2] trang 274 – 428 * Website đề nghị |

**8.2.Thực hành**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Buổi** | **Nội dung** | **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Tài liệu tham khảo** |
| 1 | **Bài tập 1:**  … |  | Giáo trình [m], trang … đến … |

**9. Hướng dẫn học phần**

**9.1. Đối với sinh viên**

Nhiệm vụ của sinh viên như sau:

* Giờ tự học: Ngoài giờ lên lớp theo thời khóa biểu, sinh viên sẽ phải đầu tư 90 giờ tự học/ tín chỉ lý thuyết và thực hành như:
  + - Chuẩn bị bài học trước giờ học; Đọc tài liệu tham khảo; Xem xét và củng cố bài học sau giờ học như đã hướng dẫn trong lịch trình giảng dạy.
    - Nghiên cứu, làm bài tập, làm việc nhóm
    - Hoàn tất nhật ký việc tự học.
* Trên lớp học, sinh viên tham gia nghe giảng, thảo luận nhóm
* Sinh viên đi học đúng giờ theo quy định, nếu đi trễ quá 15 phút sẽ không được vào lớp học
* Nếu sinh viên vắng quá 2 buổi học không phép sẽ bị cấm thi
* Sinh viên vắng vào buổi thuyết trình không có lý do chính đáng sẽ nhận 0 điểm
* Trong 2 buổi học đầu tiên, sinh viên lập các nhóm học tập (mỗi nhóm tối đa 6 sinh viên), cử 1 nhóm trưởng. Giảng viên không giải quyết các vấn đề liên quan đến nhóm từ buổi học thứ 3 trở đi
  1. **Đối với giảng viên**

Giảng viên cần đảm bảo các nhiệm vụ sau:

* Triển khai đầy đủ các nội dung của ĐCCT học phần giảng dạy: vị trí của học phần trong chương trình đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra, mô tả học phần, tài liệu học tập, phương pháp đánh giá, rubrics đánh giá, trọng số đánh giá, thời điểm đánh giá, phương pháp dạy và học, kế hoạch giảng dạy, thông tin liên hệ của giảng viên;
* Phương pháp giảng dạy đáp ứng triết lý lấy người học làm trọng tâm, phát huy được tính tực cực, chủ động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề và khả năng tự học của người học;
* Công bố điểm và giải đáp thắc mắc về điểm cho người học đúng thời gian quy định;
* Thực hiện đúng nội dung và tiến độ theo kế hoạch giảng dạy của học phần;

**10. Phiên bản chỉnh sửa**

Lần 1, ngày 30/08/2020

Lần 2, ngày 8/12/2020

**12. Phụ trách học phần**

- Chương trình: Du lịch Khoa: Kinh tế

- Giảng viên: Th.S Nguyễn Xuân Quý

- Địa chỉ và email liên hệ: quynx@tdmu.edu.vn

- Điện thoại: 0886 932 205

*Bình Dương, ngày 08 tháng 12 năm 2020*

**GIÁM ĐỐC CTĐT GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

**PHÒNG ĐTĐH TRƯỞNG KHOA**

**HIỆU TRƯỞNG**

**PHỤ LỤC   
RUBRICS CÁC BÀI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (Thang điểm 10)**

**ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH: Rubric 1 – 2 – 4**

**ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ: RUBRIC 3**

1. **Rubric 1 – Tham gia lớp**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiêu chí** | **Trọng số (%)** | **Tốt**  **10 điểm** | **Khá**  **7.5 điểm** | **Trung bình**  **5 điểm** | **Kém**  **0 điểm** |
| CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO4.3 | Thái độ tham dự | 50 | Luôn chú ý và tham gia các hoạt động | Khá chú ý, có tham gia | Có chú ý, ít tham gia | Không chú ý/không tham gia |
| CELO5.1  CELO5.2 | Thời gian tham dự | 50 | * Dưới 7 buổi: 0 điểm * 7 buổi: 8 điểm * 8 buổi: 9 điểm * Đủ 9 buổi: 10 điểm | | | |

1. **Rubric 2 – Đánh giá Thuyết trình nhóm**

| **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Tốt**  **10 điểm** | **Khá**  **7.5 điểm** | **Trung bình**  **5 điểm** | **Kém**  **0 điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CELO1.1; 1.2  CELO2.1  CELO3.1; CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO4.3  CELO5.1; 5.2 | Nội dung đáp ứng yêu cầu | 10 | Phong phú hơn yêu cầu | Đầy đủ theo yêu cầu | Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng | Thiếu nhiều nội dung quan trọng |
| 20 | Chính xác, khoa học | Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ | Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng | Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng |
| CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3 | Cấu trúc hợp lý | 10 | Cấu trúc bài và slides rất hợp lý | Cấu trúc bài và slides khá hợp lý | Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý | Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý |
| Hình thức | 10 | Rất trực quan và thẩm mỹ | Khá trực quan và thẩm mỹ | Tương đối trực quan và thẩm mỹ | Ít/Không trực quan và thẩm mỹ |
| CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO4.3 | Trình bày đảm bảo tính thuyết phục | 5 | Trình bày rõ ràng, mạch lạc | Trình bày khá rõ ràng mạch lạc | Trình bày tương đối rõ ràng, mạch lạc | Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng |
| 5 | Lập luận vững chắc | Lập luận khá vững chắc, còn một sai sót nhỏ | Lập luận tương đối vững chắc, còn một sai sót quan trọng | Phạm nhiều lỗi lập luận quan trọng |
| CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3 | Tương tác cử chỉ tốt | 10 | Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt | Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt | Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt | Không tương tác bằng mắt và cử chỉ |
| CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO5.1  CELO5.2 | Quản lý tốt thời gian | 10 | Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống | Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoàng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống. | Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống. | Quá giờ/kết thúc quá sớm |
| CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3  CELO4.1  CELO4.2  CELO4.3 | Trả lời câu hỏi thoả đáng | 10 | Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng | Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được | Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được | Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng |
| CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3 | Sự phối hợp trong nhóm chặt chẽ | 10 | Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời | Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ | Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời | Không thề hiện sự kết nối trong nhóm |

1. **Rubric 3 – Đánh giá bài kiểm tra KTHP**

| **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Tốt**  **9-10 điểm** | **Trung bình**  **5-8 điểm** | **Kém**  **Dưới 5 điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CELO1.1  CELO1.2  CELO2.1  CELO2.2  CELO4.3  CELO5.1 | **Nội dung:**  Hiểu rõ yêu cầu đề, không lạc đề  Trình bày đủ yêu cầu đề bài, súc tích  Lập luận thuyết phục  Thể hiện kỹ năng phân tích vấn đề và tư duy logic  Có mở rộng nội dung phù hợp | 80 | Hoàn thành tốt, đầy đủ các yêu cầu | Hoàn thành ở mức trung bình/khá các yêu cầu | Không hoàn thành đa số các yêu cầu |
| CELO3.2 | **Hình thức:**  Văn phong mạch lạc  Chữ viết rõ ràng  Không mắc lỗi chính tả  Đúng ngữ pháp | 20 | Hoàn thành tốt, đầy đủ các yêu cầu | Hoàn thành ở mức trung bình/khá các yêu cầu | Không hoàn thành đa số các yêu cầu |

1. **Rubric 4 – Đánh giá cá nhân trong làm việc nhóm**

| **Chỉ báo thực hiện**  **CELOx.y** | **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Tốt**  **100%** | **Khá**  **75%** | **Trung bình**  **50%** | **Kém**  **0%** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CELO3.1  CELO3.2  CELO3.3 | Thời gian tham gia họp nhóm đầy đủ | 15 | Chia đều cho số lần họp nhóm | | | |
| CELO5.1  CELO5.2 | Thái độ tham gia tích cực | 15 | Kết nối tốt | Kết nối khá tốt | Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhở | Không kết nối |
| CELO4.1  CELO4.2  CELO4.3 | Ý kiến đóng góp hữu ích | 20 | Sáng tạo/rất hữu ích | Hữu ích | Tương đối hữu ích | Không hữu ích |
| CELO5.1  CELO5.2 | Thời gian giao nộp sản phẩm đúng hạn | 20 | Đúng hạn | Trễ ít, không gây ảnh hưởng | Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng quan trọng nhưng đã khắc phục | Không nộp/Trễ gây ảnh hưởng không thể khắc phục |
| CELO4.1  CELO4.2  CELO4.3 | Chất lượng sản phẩm giao nộp tốt | 30 | Đáp ứng tốt/sáng tạo | Đáp ứng khá tốt yêu cầu | Đáp ứng một phần yêu cầu, còn sai sót quan trọng | Không sử dụng được |

**\* Ghi chú:**

- Điểm tổng kết học phần sẽ được tính dựa vào tỷ lệ mô tả ở mục 7, tính thành 2 cột điểm:

1. Điểm quá trình

2. Điểm kết thúc học phần